

ĐỀ THI HỌC KÌ II – Đề số 12

Môn: Toán - Lớp 6

Bộ sách Chân trời sáng tạo

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần trắc nghiệm

Câu 1: C	Câu 2: D	Câu 3: A	Câu 4: B	Câu 5: D	Câu 6: D
Câu 7: A	Câu 8: D	Câu 9: C	Câu 10: B	Câu 11: B	Câu 12: B

Câu 1: Số đối của phân số $\frac{-5}{4}$ là

A. $\frac{4}{5}$.

B. $\frac{-4}{5}$.

C. $\frac{5}{4}$.

D. $\frac{-5}{4}$.

Phương pháp

Hai phân số được gọi là đối nhau nếu tổng của chúng bằng 0.

Lời giải

Số đối của phân số $\frac{-5}{4}$ là $\frac{5}{4}$.

Đáp án C.

Câu 2: Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là

A. $\frac{-3}{2,5}$.

B. $\frac{3,12}{2,4}$.

C. $\frac{2}{0}$.

D. $\frac{-2}{5}$.

Phương pháp

Phân số có dạng $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$.

Lời giải

$\frac{-2}{5}$ cho ta phân số.

Đáp án D.

Câu 3: Tìm số nguyên x, biết: $\frac{-7}{5} = \frac{x}{5}$

A. $x = -7$.

B. $x = 5$.

C. $x = 35$.

D. $x = 7$.

Phương pháp

Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ($b, d \neq 0$) nếu $a.d = c.b$

Lời giải

$$\frac{-7}{5} = \frac{x}{5}$$

$$-7.5 = x.5$$

$$5x = -35$$

$$x = -7$$

Đáp án A.

Câu 4: Tâm đối xứng của hình thoi là:

A. Giao điểm hai cạnh kề.

B. Giao điểm hai đường chéo.

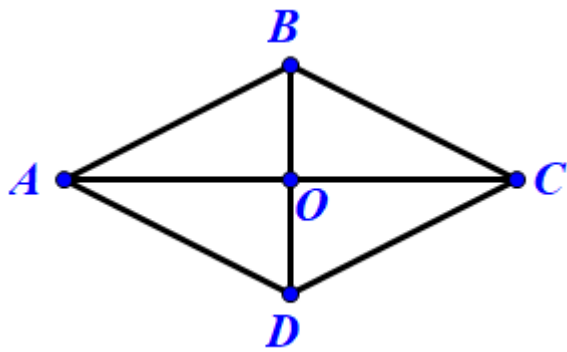
C. Trung điểm một cạnh của hình thoi.

D. Hình thoi không có tâm đối xứng.

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về tâm đối xứng

Lời giải



Tâm đối xứng của hình thoi là giao điểm hai đường chéo (tâm O).

Đáp án B.

Câu 5: Viết phân số $\frac{-2023}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được

A. - 20,23.

B. -2,023.

C. 2,023.

D. - 202,3.

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về số thập phân.

Lời giải

Ta có: $\frac{-2023}{10} = -202,3$.

Đáp án D.

Câu 6: Viết số thập phân 0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được

A. $\frac{1}{5}$.

B. $\frac{-1}{5}$.

C. $-\frac{3}{20}$.

D. $\frac{3}{20}$.

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về số thập phân.

Lời giải

Ta có: $0,15 = \frac{15}{100} = \frac{3.5}{20.5} = \frac{3}{20}$.

Đáp án D.

Câu 7: Điểm A thuộc đường thẳng d thì được kí hiệu là

A. $A \in d$.

- B. $A \subset d$.
- C. $A \notin d$.
- D. $d \subset A$.

Phương pháp

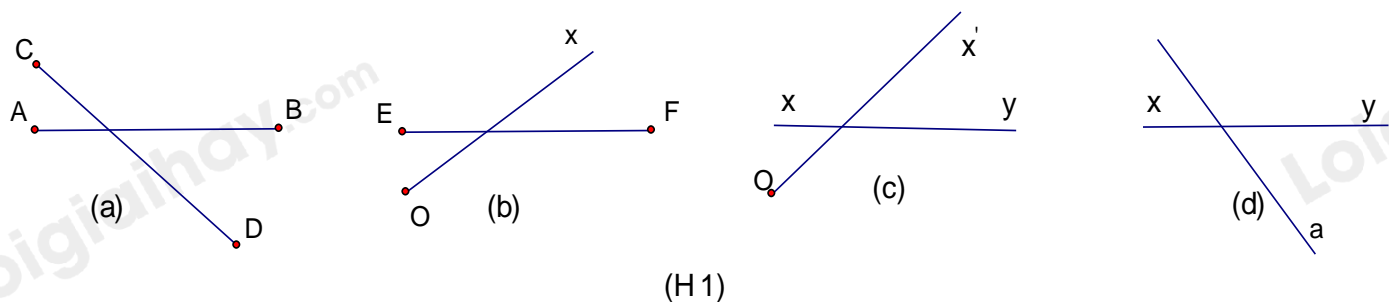
Dựa vào kiến thức về điểm và đường thẳng.

Lời giải

Điểm A thuộc đường thẳng d thì được kí hiệu là $A \in d$.

Đáp án A.

Câu 8: Trong các hình vẽ sau, hình nào là hai đường thẳng cắt nhau?



- A. Hình a.
- B. Hình c.
- C. Hình b.
- D. Hình d.

Phương pháp

Quan sát xem hình vẽ nào biểu diễn hai đường thẳng cắt nhau.

Lời giải

Hình a là hình biểu diễn đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD.

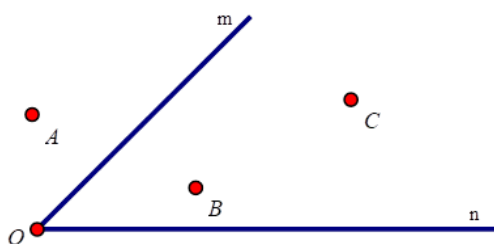
Hình b là hình biểu diễn đoạn thẳng EF cắt tia Ox.

Hình c là hình biểu diễn đường thẳng xy cắt tia Ox'.

Hình d là hình biểu diễn đường thẳng xy cắt đường thẳng a nên chọn đáp án D.

Đáp án D.

Câu 9: Các điểm nằm trong góc mOn trong hình bên là



- A. Điểm A, B.
- B. Điểm A, B, C.
- C. Điểm B, C.

D. Điểm A.

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để trả lời.

Lời giải

Các điểm B, C nằm trong góc mOn.

Đáp án C.

Câu 10: Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

A. 3.

B. 6.

C. 0.

D. 1.

Phương pháp

Liệt kê các kết quả có thể xảy ra.

Lời giải

Có 6 kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc, đó là: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

Đáp án B.

Câu 11: Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 23 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

A. $\frac{10}{23}$.

B. $\frac{4}{23}$.

C. $\frac{4}{10}$.

D. $\frac{6}{23}$.

Phương pháp

Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 bằng tỉ số giữa số lần lấy được thẻ đánh số 6 với tổng số lần rút thẻ.

Lời giải

Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là: $\frac{4}{23}$.

Đáp án B.

Câu 12: Khi tung đồng xu 1 lần. Kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:

A. N và S.

B. N hoặc S.

C. N.

D. S.

Phương pháp

Liệt kê các trường hợp có thể xảy ra.

Lời giải

Kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu khi tung đồng xu 1 lần là N hoặc S.

Đáp án B.

Phần tự luận.

Bài 1. (2 điểm) So sánh các số sau:

a) $\frac{-2}{7}$ và $\frac{-3}{7}$

b) 5,14 và 5,139

Phương pháp

Sử dụng quy tắc so sánh phân số và số thập phân.

Lời giải

a) Vì $2 < 3$ nên $-2 > -3$

Do đó $\frac{-2}{7} > \frac{-3}{7}$

b) Vì $5,140 > 5,139$ nên $5,14 > 5,139$.

Bài 2. (1 điểm) Thực hiện phép tính: $\frac{1}{2} - \frac{5}{4} - \frac{-7}{10}$.

Phương pháp

Sử dụng quy tắc tính với phân số.

Lời giải

$$\frac{1}{2} - \frac{5}{4} - \frac{-7}{10}$$

$$= \frac{1}{2} - \frac{-7}{8}$$

$$= \frac{1}{2} + \frac{7}{8}$$

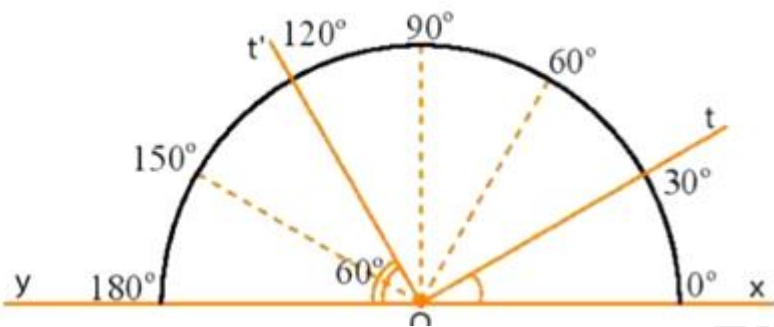
$$= \frac{4}{8} + \frac{7}{8}$$

$$= \frac{11}{8}$$

Bài 3. (2 điểm) a) Hãy vẽ các đoạn thẳng sau: $AB = 5$ cm; $CD = 3,5$ cm.

b) So sánh độ dài hai đoạn thẳng AB và CD .

c) Nhìn hình vẽ, đọc số đo các góc $\angle xOt$; $\angle tOt'$; $\angle xOy$.

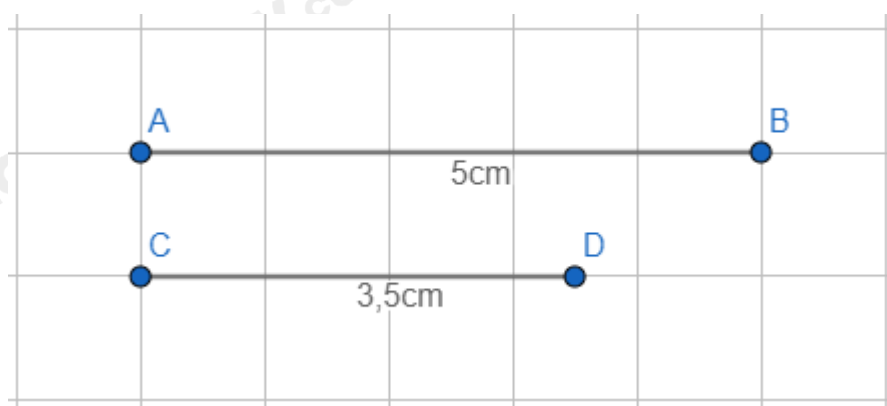


Phương pháp

- a) Sử dụng thước kẻ để vẽ đoạn thẳng.
- b) Sử dụng quy tắc so sánh số thập phân để so sánh AB và CD.
- c) Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi.

Lời giải

- a) Vẽ đúng kích thước các đoạn thẳng có độ dài: $AB = 5\text{cm}$; $CD = 3,5\text{cm}$.



- b) Vì $5 > 3,5$ nên $AB > CD$.
- c) Số đo các góc xOt ; tOt' ; xOy là:

$$xOt = 30^0$$

$$tOt' = xOt' - xOt = 120^0 - 30^0 = 90^0$$

$$xOy = 180^0$$

Bài 4. (1 điểm) Hiện nay, khoảng $\frac{2}{5}$ diện tích đất của Việt Nam được che phủ bởi rừng. Có khoảng $\frac{7}{10}$ diện tích rừng là rừng tự nhiên, còn lại là rừng trồng. Hỏi:

- a) Diện tích rừng tự nhiên bằng mấy phần diện tích đất của Việt Nam?
- b) Diện tích rừng tự nhiên bằng mấy phần của rừng trồng?

Phương pháp

Thực hiện phép nhân, chia phân số

Lời giải

- a) Diện tích rừng tự nhiên bằng số phần diện tích đất của Việt Nam là:

$$\frac{7}{10} \cdot \frac{2}{5} = \frac{7}{25}$$

- b) Số phần diện tích rừng trồng là:

$$\frac{2}{5} - \frac{7}{25} = \frac{3}{25}$$

Diện tích rừng tự nhiên bằng số phần diện tích rừng trồng là:

$$\frac{7}{25} : \frac{3}{25} = \frac{7}{3}$$

Bài 5. (1 điểm) Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 146 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn trúng mục tiêu.

Phương pháp

Xác suất thực nghiệm của sự kiện bằng tỉ số giữa số lần sự kiện xảy ra với tổng số lần thực hiện.

Lời giải

Xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn trúng mục tiêu là:

$$\frac{146}{200} = 0,73 = 73\%$$